

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

(Phục vụ công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước
theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021)

I- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục bị ảnh hưởng bởi những hệ lụy từ năm 2023: Chiến tranh Nga - Ukraine, xung đột Israel - Hamas, khủng hoảng Biển Đỏ, lạm phát và nguy cơ suy thoái tại các nền kinh tế lớn tiếp tục tác động đến nền kinh tế Việt Nam, tác động đến sức mua của người tiêu dùng trong nước. Tỷ giá ngoại tệ biến động ảnh hưởng đến giá một số nguyên phụ liệu đầu vào nhập khẩu.

Hoạt động buôn bán thuốc lá lậu diễn biến phức tạp; áp lực cạnh tranh trong ngành tiếp tục diễn ra gay gắt cùng với thuốc lá thế hệ mới ảnh hưởng đến người tiêu dùng và việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thuốc lá điều truyền thống của ngành thuốc lá nội địa.

Thời tiết bất thuận do biến đổi khí hậu gây nắng hạn kéo dài tại phía Nam và Tây Nguyên, mưa bão, lũ lụt tại phía Bắc làm ngập úng, ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế, đặc biệt là các tỉnh phía Bắc, trong đó có vùng trồng nguyên liệu của các đơn vị trong Tổng công ty, đã ảnh hưởng rất lớn đến năng suất, chất lượng nguyên liệu.

Chiến lược quốc gia Phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2023 tác động đến hoạt động tiêu thụ thuốc lá nội địa của Tổng công ty.

Chi phí liên quan đến bản quyền sản phẩm thuốc lá nhãn hiệu BAT bắt đầu thanh toán từ năm 2024 ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty Liên doanh VINA-BAT và lợi nhuận của toàn Tổng công ty.

Đến tháng 5/2024, các đơn vị sản xuất thuốc lá điều của Tổng công ty mới được cấp giấy phép Hạn ngạch thuế quan và quản lý chuyên ngành nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá năm 2024, dẫn đến một số khó khăn trong sản xuất và phát sinh chi phí.

Hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng công ty bị ảnh hưởng nhất định bởi tình hình lạm phát toàn cầu ở mức cao và chiến tranh Nga - Ukraine kéo dài, giá thành các sản phẩm xuất khẩu tăng do chi phí nguyên phụ liệu đầu vào tăng cao.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành Thuốc lá, Tổng công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngay từ đầu năm, đặc biệt chú trọng công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong bối cảnh giá nguyên phụ liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất tăng cao, đảm bảo đời sống và việc làm người lao động, đồng thời thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội.

(Số liệu chi tiết tại Bảng số 1 đính kèm).

II- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2024, Tổng công ty thực hiện đầu tư 04 dự án nhóm B như sau:

- 01 dự án chuyển tiếp: Dự án đầu tư xây dựng kho 3 tầng, kết hợp dự phòng mặt bằng sản xuất và để xe trên tầng 4 (Nhà số 33) với tổng mức đầu tư 325,9 tỷ đồng của Công ty Thuốc lá Thăng Long. Dự án đang được thực hiện lập báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng.

- 02 dự án hoàn thành:

+ Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất cuộn điều - đóng bao cùng hệ thống kỹ thuật phụ trợ của Công ty Thuốc lá Thăng Long với tổng mức đầu tư 68,6 tỷ đồng. Dự án đang trong giai đoạn quyết toán hoàn thành.

+ Dự án đầu tư 01 máy in ống đồng 12 màu tích hợp 02 cụm sấy UV, tốc độ 250 mét/phút của Công ty Cổ phần Cát Lợi với tổng mức đầu tư 120,3 tỷ đồng. Dự án đã hoàn tất các báo cáo và thủ tục cần thiết để quyết toán dự án hoàn thành.

- 01 dự án mới: Dự án đầu tư 01 dây chuyền đồng bộ cuộn điều - đóng bao Compact và 01 dây chuyền đồng bộ cuộn điều - đóng bao Slim tốc độ cao với tổng mức đầu tư 485,7 tỷ đồng của Công ty Thuốc lá Thăng Long. Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

(Số liệu chi tiết tại Bảng số 2 đính kèm)

III- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

1. Danh sách và tình hình đầu tư vào các công ty mà Công ty mẹ - Tổng công ty nắm trên 50% vốn điều lệ.

(Số liệu chi tiết tại Bảng số 3 đính kèm)

2. Đánh giá tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty nắm trên 50% vốn điều lệ

- Tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh về tổng thể có sự ổn định, tăng trưởng và hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước cũng như với các đối tác kinh doanh, thu nhập và đời sống của người lao động được đảm bảo. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Công TTDN (để đăng tải);
- Cục Phát triển DNNN - Bộ Tài chính;
- Hội đồng Thành viên;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban kiểm soát TCT;
- Các ban: TCKT, ĐT, QTNS, ĐN, QTRR;
- Lưu: VT, CLKHKD.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Hô Lê Nghĩa

MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số: 382 /BC-TLVN ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ - Tổng công ty		Thực hiện năm 2024 của Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a	Thuốc lá điếu	Triệu bao			4.998,3
b	Bánh kẹo	Tấn			3.286,2
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.561,0	5.195,3	29.518,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	780,0	979,0	1.897,1
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	780,0	979,0	1.519,5
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	172,0	230,9	15.781,0
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	-		329,3
7	Tổng lao động	Người	474,0	414,4	7.286,3
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	156,0	181,4	2.270,1
a	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	8,6	10,3	67,0
b	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	147,4	171,1	2.203,2

Ghi chú :

- KH kinh doanh năm 2024 của Công ty mẹ - Tổng công ty được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định 47/QĐ-UBQLV ngày 29/01/2024.
- KH lao động, quỹ tiền lương năm 2024 của Công ty mẹ - Tổng công ty được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Công văn 1117/UBQLV-TCCB ngày 06/6/2024.
- Số liệu Tổng doanh thu, Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận sau thuế, Nộp ngân sách là số liệu tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.
- Số liệu nộp ngân sách của Công ty mẹ - Tổng công ty và Công ty mẹ - công ty con Tổng công ty gồm 3 loại thuế: Thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế TNDN.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số: 382/BC-TLVN ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn doanh nghiệp (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến 31/12/2024 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án
	Dự án nhóm B						
1	Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất cuộn điếu - đóng bao cùng hệ thống kỹ thuật phụ trợ của Công ty Thuốc lá Thăng Long	68,6	68,6			68,6	Từ năm 2023 đến năm 2024
2	Dự án đầu tư xây dựng kho 3 tầng, kết hợp dự phòng mặt bằng sản xuất và để xe trên tầng 4 (Nhà số 33) của Công ty Thuốc lá Thăng Long	325,9	225,9	100,0		5,02	Từ năm 2023 đến năm 2026
3	Dự án đầu tư 01 dây chuyền đồng bộ cuộn điếu - đóng bao Compact và 01 dây chuyền đồng bộ cuộn điếu - đóng bao Slim tốc độ cao của Công ty Thuốc lá Thăng Long	485,7	425,7	60,0		1,86	Từ năm 2023 đến năm 2026
4	Dự án đầu tư 01 máy in ống đồng 12 màu tích hợp 02 cụm sấy UV, tốc độ 250 mét/phút của Công ty Cổ phần Cát Lợi	120,2	120,2			99,9	Từ năm 2022 đến năm 2024

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON
DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số: 382/BC-TLVN ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ (tỷ đồng)	Thuế và các khoản đã nộp nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
I	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ	4.900,0	4.954,0	13.652,8	17.014,1	829,2	673,2	508,4	11.092,1	8.664,2
1	Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn	2.692,5	2.692,5	5.960,7	8.028,0	577,9	473,1	384,5	5.696,4	3.179,7
2	Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Thăng Long	2.101,9	2.101,9	7.509,6	8.708,7	242,8	193,4	123,3	5.391,3	5.407,7
3	Công ty TNHH 1 TV Nguyễn Du	44,0	98,1	44,4	1,0	0,6	0,5	0,5	0,3	0,4
4	Công ty TNHH 1 TV Viện Thuốc lá	61,6	61,6	138,0	276,4	7,8	6,3	0,0	4,0	76,4
II	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	804,4	441,9	4.860,2	10.633,1	726,3	565,8	327,5	4.423,9	2.653,0
II.1	Công ty con cổ phần	502,6	296,4	2.566,5	5.432,4	229,6	181,3	57,7	249,6	1.287,5
1	Công ty CP Hoà Việt	128,5	88,7	315,7	854,3	16,2	12,7	-	7,3	134,3
2	Công ty CP Ngân Sơn	112,0	74,0	295,6	872,6	23,1	18,3	4,2	8,9	107,7
3	Công ty CP Cát Lợi	262,1	133,7	1.955,3	3.705,6	190,3	150,2	53,5	233,3	1.045,5
II.2	Công ty con TNHH	301,8	145,5	2.293,7	5.200,7	496,7	384,5	269,9	4.174,3	1.365,5
1	Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	50,0	25,5	198,4	475,2	23,2	18,5	4,7	431,5	83,5
2	Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	68,0	19,4	509,4	968,8	50,0	29,5	13,7	807,2	221,8
3	Công ty Hải Hà - Kotobuki	44,7	29,6	120,5	279,5	4,2	3,1	1,4	25,2	67,2
4	Công ty TNHH Liên doanh VINA - BAT	139,1	71,0	1.465,4	3.477,2	419,3	333,4	250,0	2.910,5	992,9

Ghi chú:

- Doanh thu = Doanh thu thuần + doanh thu tài chính + thu nhập khác.
- Lợi nhuận nộp về công ty mẹ bao gồm lợi nhuận còn lại và bao gồm chênh lệch vốn.